BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TUYỂN TẬP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT, Y TẾ TRƯỜNG HỌC

(Hội nghị khoa học Giáo dục thể chất, Y tế ngành Giáo dục lần thứ IV)

(Lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO
HÀ NỘI - 2006

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

- Định hướng nội dung và những giải pháp tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ giáo dục thể chất và y tế trường học trong giai đoạn tới (giai đoạn 2006 - 2010) 3

Trần Văn Nhung

- Định hướng chiến lược tăng cường giáo dục thể chất, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ học sinh trong nhà trường phổ thông các cấp đến năm 2010 8

Ngũ Duy Anh,Vũ Đức Thu

- Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp nâng cao công tác giáo dục thể chất trường học 15

Ngũ Duy Anh, Trần Văn Lam

- Khảo sát đánh giá thực trạng công tác y tế trường học 23

Lê Thị Kim Dung

PHẦN I: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GDTC TRƯỜNG HỌC 39

- Nghiên cứu huấn luyện bóng đá năm người lứa tuổi nhi đồng (10 -11 tuổi) khu vực thành phố Hồ Chí Minh 40

Nguyễn Anh Tuấn, Ngô Hữu Phúc

- Nghiên cứu các bài tập thể dục rèn luyện tư thế cho học sinh trường tiểu học Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh 45

Trịnh Trung Hiếu, Nguyễn Phước Toàn

- Sử dụng đồ chơi, thiết bị vận động để giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học Việt Nam 49

Trần Đình Thuận

- Thực trạng tập luyện thể thao ngoại khoá trong các trường học tỉnh Ninh Bình 55

Trần Kim Cương

- Vấn đề ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với sự phát triển thể lực và tầm vóc của học sinh tiểu học 62

Nguyễn Ngọc Việt

- Thực trạng và giải pháp đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên dạy thể dục bậc tiểu học 68

Hồ Đắc Sơn, Vũ Đức Thu

- Một số vấn đề về thực trạng công tác kiêm nhiệm giảng dạy Thể dục ở các trường Trung học cơ sở tỉnh Nghệ An 73

Doãn Hữu Việt

- Đổi mới phương pháp giảng dạy môn thể dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông 79

Nguyễn Viết Minh

- Nghiên cứu thực trạng về chuyên môn và một số giải pháp nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên chuyên trách Thể dục ở khối THCS trong tỉnh Tây Ninh 89

Nguyễn Thanh Liêm

Scanned with CamScanner

- Thực trạng Giáo dục thể chất, hình thái thể lực và cảm nhận của học sinh khiếm thị tại thành phố Hồ Chí Minh đối với việc tập luyện thể dục thể thao 94
Nguyễn Văn Tri, Huỳnh Trọng Khải
- Định hướng đổi mới phương pháp thực hiện chương trình học môn thể dục nhằm tích cực hoá người học ở các trường THCS quận Cầu Giấy - Hà Nội 99
Nguyễn Thị Kim Thục Hồ Đắc Sơn
- Đánh giá chương trình môn học thể dục bậc Trung học cơ sở sau hai năm giảng dạy thí điểm tại quận Ba Đình - Hà Nội 105
Nguyễn Thị Hằng, Hồ Đắc Sơn
- Vai trò của chuẩn kiến thức và kỹ năng trong hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn thể dục bậc trung học cơ sở 109
Cung Minh Nguyệt, Hồ Đắc Sơn
- Đề xuất cải tiến tiêu chuẩn rèn luyện thân thể trong học sinh phổ thông từ 6 đến 17 tuổi 115
Dương Nghiệp Chí, Hoàng Công Dân
- Nghiên cứu biện pháp phát triển thể chất cho học sinh các trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc 120
Hoàng Công Dân
- Xây dựng phong trào Hội khỏe Phù Đổng gắn với công tác giáo dục thể chất trong nhà trường phổ thông ở tỉnh Hà Tĩnh 124
Nguyễn Văn Nam
- Nghiên cứu xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQ) môn thể dục lớp 10 trung học phổ thông 128
Nguyễn Thị Ly Lan
- Nghiên cứu xác định vị trí học vấn thể chất trong mối quan hệ liên môn ở trường phổ thông 134
Trần Thị Phương Nhung, Vũ Đức Thu
- Định hướng cải tiến nội dung đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác cho cử nhân TDTT ngành sư phạm Giáo dục thể chất 141
Lưu Quang Hiệp
- Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho vận động viên bơi lội trẻ trường đại học TDTT I 146
Vũ Chung Thủy
- Đánh giá kết quả ứng dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong giảng dạy môn lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học cho sinh viên trường đại học TDTT I 149
Đồng Văn Triệu
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống các bài tập nâng cao khả năng chịu sóng cho sinh viên trường ĐH Hàng hải Việt Nam 153
Phạm Văn Tuất
- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng "tích cực hóa học sinh" trong nội dung thực hành môn điền kinh ở khoa giáo dục thể chất trường CĐSP Nghệ An 158
Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

- Nghiên cứu xác định chỉ tiêu kiểm tra kết thúc học phần các nội dung môn học điền kinh cho sinh viên ĐH Bách khoa Hà Nội 163
Nghiêm Xuân Thúc
- Nghiên cứu trạng thái phát triển thể lực của nam sinh viên trường ĐH Cần Thơ thuộc các ngành học khác nhau 169
Lê Văn Lẫm, Nguyễn Văn Thái
- Sử dụng phương pháp phân nhóm trong dạy bơi cho sinh viên ĐH Thủy Lợi 175
Nguyễn Hữu Hiến
- Tình hình TDTT ngoại khóa của nữ sinh viên trường ĐH Cần Thơ 178
Trần Thị Xoan, Lê Văn Lẫm
- Nghiên cứu xây dựng thang độ đánh giá sự phát triển thể lực của sinh viên trường ĐH Cần Thơ 184
Lê Quang Anh, Huỳnh Trọng Khải
- Đánh giá hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa đối với sự phát triển thể chất của nam sinh viên trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh 190
Nguyễn Đức Thành
- Đổi mới tổ chức dạy học môn thể thao tự chọn ở trường CĐSP Đà Lạt 194
Nguyễn Văn Khanh, Trần Đình Thuận
- Nghiên cứu đánh giá thực trạng tố chất thể lực học sinh hệ trung học chuyên nghiệp trường Cao đẳng văn hoá nghệ thuật và du lịch Nha Trang 199
Trương Đình Đức
- Cờ vua vận động - môn thể thao mới kết hợp giữa trí tuệ và thể lực 206
Lê Hồng Đức, Lê Văn Tiền, Lê Văn Lẫm
- Nghiên cứu sử dụng một số bài tập phát triển sức bền chuyên môn trong chạy cự ly 1500m cho nam sinh viên trường ĐHNN I (lứa tuổi 18-20) 211
Hoàng Văn Hưng
- Nghiên cứu một số biện pháp phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khoá nhằm nâng cao hiệu qủa giáo dục thể chất cho sinh viên các trường cao đẳng thành phố Nam Định 215
Lê Hồng Cường
- Những vấn đề cơ bản về TDTT quần chúng và xã hội hoá TDTT quần chúng ở nước ta 219
Đặng Quốc Nam
- Nghiên cứu sự phát triển tố chất sức mạnh của vận động viên đội tuyển bóng rổ nữ thành phố Hồ Chí Minh 224
Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Ngọc Hải
- Nghiên cứu hệ thống giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy thực hành cho sinh viên trường ĐHSP TDTT Hà Tây 229
Kiều Tất Vinh
- Mở rộng quy mô đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất tại trường CĐ TDTT Đà Nẵng là một yếu tố cơ bản để nâng cấp thành trường ĐH TDTT III - Đà Nẵng 235
Lê Tấn Đạt

Scanned with CamScanner

- Nghiên cứu áp dụng phương pháp trắc nghiệm để kiểm tra các môn học lý thuyết 238

Đậu Bình Hương

- Nghiên cứu một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả cắt bóng trái tay trong môn bóng bàn cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường Đại học Vinh 242

Đậu Bắc Sơn

- Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm hoàn thiện kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân cho sinh viên khoa GDTC trường Đại học Vinh 246

Lê Minh Hải

- Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tích cực hoá người học kỹ thuật động tác cho sinh viên chuyên ngành ở khoa GDTC trường Đại học Vinh 252

Võ Văn Nga

- Tích cực hoá sinh viên khoa thể dục bằng phương pháp "dạy học thông qua thực hành dạy" 257

Phan Sinh

- Nghiên cứu lựa chọn, áp dụng một số bài tập phát triển sức mạnh tốc độ nhằm nâng cao thành tích chạy 100m cho nữ sinh viên hệ không chuyên trường Đại học Vinh 262

Châu Hồng Thắng

- Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển thể chất cho sinh viên khoá 45 khoa thể dục trường Đại học Vinh 267

Nguyễn Đình Thành

- Một số nhận xét về sự phát triển hình thái của học sinh phổ thông Việt Nam trong những năm qua 271

Nguyễn Võ Kỳ Anh, Vũ Đức Thu, Vũ Bích Huệ

- Các luận án tiến sĩ trong nước với công tác giáo dục thể chất học đường 276

Nguyễn Kim Minh

- Những nhiệm vụ và đặc điểm về phương pháp lựa chọn các phương tiện GDTC nhằm trang bị thể lực chuyên môn nghề nghiệp 281

Nguyễn Trọng Hải

- Nhận xét về sức khoẻ học sinh, sinh viên các trường chuyên nghiệp, dạy nghề tại Kiên Giang (1994 - 2004) 285

Hồng Xuân Trường

- Thực trạng và một số giải pháp bồi dưỡng đội ngũ giảng viên TDTT các trường Đại học, Cao đẳng và THCN trên địa bàn tỉnh Nghệ An 291

Lê Mạnh Hồng

- Bóng đá cho trẻ em mẫu giáo 296

Nguyễn Hoàng Thụ, Tạ Văn Vinh

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC 299

- Đánh giá sự thay đổi kiến thức dinh dưỡng và vệ sinh phòng bệnh của cộng đồng nhờ cải tiến phương pháp truyền thông ở trường học 300

Phạm Ngọc Khái

Scanned with CamScanner

- Nhận xét về thực trạng bướu cổ và thiếu Iốt qua nghiên cứu ở 2 nhóm xã trước đó đã có sự khác nhau về tỷ lệ trẻ em 7 - 15 tuổi mắc bướu cổ 307
Chu Thị Lan, Phạm Ngọc Khái
- Nhận xét tình trạng thừa cân, béo phì ở học sinh tiểu học thành phố Thái Bình 316
Đặng Văn Khôi, Hoàng Thị Thanh
- Thực trạng một số dị tật học đường và ảnh hưởng của chúng lên năng lực thể chất của học sinh tại trường THPT Nam Đàn I - Nghệ An 323
Ngô Thị Bê, Nguyễn Ngọc Hợi, Lê Thị Việt Hà, Tôn Thị Bích Hoài, Nguyễn Thị Giang An
- Các chỉ tiêu hình thái, dị tật học đường của học sinh và trang thiết bị phòng học ở một số trường phổ thông thuộc 2 tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá 329
Ngô Thị Bê, Nguyễn Ngọc Hợi, Tôn Thị Bích Hoài, Nguyễn Công Tĩnh, Nguyễn Thị Giang An, Đinh Thị Nga
- Tình hình bệnh cong vẹo cột sống (CVCS) và các yếu tố nguy cơ ở học sinh Hà Nội trong năm 2004 - 2005 335
Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Văn Dần, Nguyễn Thị Thu, Đào Thị Mùi, Lê Quang Giao
- Kiến thức - thái độ - hành vi về sức khoẻ sinh sản vị thành niên của học sinh ở trường trung học y tế tỉnh Đồng Tháp năm 2005 341
Nguyễn Công Cừu
- Ảnh hưởng của chế phẩm Rabiton và hải sâm lên một số chỉ tiêu sinh lý tim mạch của nam sinh viên năng khiếu TDTT, trường Đại học Vinh 351
Nguyễn Ngọc Hợi, Tôn Thị Bích Hoài

PHẦN III: Y HỌC VÀ TÂM SINH LÝ GDTC VÀ Y TẾ TRƯỜNG HỌC 357

- Thực trạng vẹo cột sống ở học sinh thành phố Hải Phòng 358
Nguyễn Hữu Chỉnh, Thái Lan Anh, Vũ Văn Tuý, Nguyễn Thị Thanh Bình
- Một số yếu tố nguy cơ gây vẹo cột sống ở học sinh thành phố Hải Phòng 365
Nguyễn Hữu Chỉnh, Thái Lan Anh, Vũ Văn Tuý, Nguyễn Thị Minh Ngọc
- Một số nhận xét về sức khoẻ học sinh và điều kiện học tập tại một số trường học thành phố Hải Phòng 372
Đồng Trung Kiên, Lê Thị Song Hương, Nguyễn Thu Hà, Dương Thị Hương
- Đánh giá sự phát triển bệnh học đường và hiệu quả can thiệp tại một số trường học thành phố Hải Phòng 381
Đồng Trung Kiên, Lê Thị Song Hương
- Phân tích một số yếu tố nguy cơ có liên quan đến tỷ lệ cận thị ở học sinh tiểu học và trung học cơ sở 389
Nguyễn Ngọc Ngà, Đặng Anh Ngọc
- Nghiên cứu thực trạng vệ sinh tại một số trường tiểu học và trung học cơ sở 398
Lỗ Văn Tùng, Nguyễn Ngọc Ngà, Đặng Anh Ngọc
- Tình hình suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi và các yếu tố liên quan tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Vinh 407
Nguyễn Ngọc Hiền

Scanned with CamScanner

- Tình hình tai nạn thương tích (TNTT) của học sinh trung học cơ sở và một số yếu tố liên quan tại huyện Bình Xuyên - Vĩnh Phúc trong năm học 2003 - 2004 412

Trần Văn Dần, Nguyễn Bích Liên, Phạm Thế Xuyên

- Nghiên cứu thực trạng một số bệnh thường gặp của giáo viên trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên 418

Vũ Thị Ngọc Lan, Đỗ Hàm, Nông Thanh Sơn

- Các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục phòng chống HIV/AIDS cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Thái Bình 426

Bùi Ngọc Sơn

- Kiến thức và thực hành về phòng chống viêm gan B của sinh viên trường đại học Nông ngiệp I năm 2005 432

Nguyễn Thị Thuý Vinh

- Tìm hiểu nhận thức của sinh viên Trường Đại học sư phạm thể dục thể thao Hà Tây về chấn thương thể thao 439

Vũ Thị Thanh Bình

- Cận thị học đường ngày càng gia tăng vì sao? 446

Hoàng Văn Tiến

- Một số nhận xét thực trạng VSTH ở một số trường phổ thông các cấp tại Hà Nội hiện nay 450

Trần Văn Dần, Nguyễn Bích Liên, Lê Quang Giao

Scanned with CamScanner

CÁC CHỈ TIÊU HÌNH THÁI, DỊ TẬT HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH VÀ TRANG THIẾT BỊ PHÒNG HỌC Ở MỘT SỐ TRƯỜNG PHỔ THÔNG THUỘC HAI TỈNH NGHỆ AN VÀ THANH HOÁ

Ngô Thị Bê, Nguyễn Ngọc Hợi,
Tôn Thị Bích Hoài, Nguyễn Công Tĩnh,
Nguyễn Thị Giang An, Đinh Thị Nga
Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Khảo sát trên 14516 học sinh cho thấy: các chỉ tiêu hình thái của học sinh tăng dần theo lứa tuổi. Tuy nhiên có sự khác nhau ở từng giai đoạn và phụ thuộc vào giới tính. Kích thước bàn ghế không hoàn toàn phù hợp với từng lứa tuổi, tỷ lệ học sinh bị các dị tật về mắt và cong vẹo cột sống tăng dần theo cấp học.

I. MỞ ĐẦU

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục thể chất, chăm sóc sức khoẻ trong nhà trường nói riêng là một trong những chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Nghiên cứu các chỉ tiêu hình thái và dị tật học đường của học sinh là vấn đề cấp thiết nhằm khuyến cáo cho các ngành, các cơ quan chức năng hoạch định chính sách đào tạo con người phát triển toàn diện. Nghệ An và Thanh Hoá là hai tỉnh lớn, dân số đông nhưng các công trình nghiên cứu về thể lực của học sinh từ trước đến nay đang còn ít. Vì vậy, việc khảo sát một số chỉ tiêu hình thái, dị tật học đường của học sinh và trang thiết bị ở các trường là vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Tiến hành nghiên cứu một số chỉ tiêu về hình thái và dị tật học đường của 14.516 học sinh thuộc thành phố Vinh, huyện Nghi Lộc, Yên Thành thuộc tỉnh Nghệ An và thành phố Thanh Hoá, huyện Nga Sơn, Thiệu Hoá, Quảng Xương, Yên Định thuộc tỉnh Thanh Hoá, trong đó: 4210 học sinh của 10 trường tiểu học, 6111 học sinh của 7 trường trung học cơ sở, 4195 học sinh của 9 trường trung học phổ thông.

Thời gian nghiên cứu: từ năm 2001-2005.

Scanned with CamScanner

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp đo các chỉ tiêu hình thái

Phương pháp đo chiều cao đứng, chiều cao ngồi, vòng ngực, cân nặng theo phương pháp của Nguyễn Quang Quyền như sau:

+ Đo chiều cao: Thước dây hoặc thước gỗ chia chính xác đến milimét(mm) được gắn thẳng vào tường phẳng.

- Đo chiều cao đứng: Học sinh đứng thẳng mắt nhìn thẳng, hai tay thả lỏng tự nhiên, hai gót chân chụm, không đi dép, bốn điểm chạm tường (chẩm, lưng, mông, gót). Chiều cao đứng được tính từ mặt đất đến đỉnh đầu chính xác đến mm.

- Đo chiều cao ngồi: Học sinh ngồi thẳng mắt nhìn thẳng, mông, lưng, chẩm chạm tường,hai tay duỗi thẳng. Chiều cao ngồi được tính từ mặt ghế đến đỉnh đầu chính xác đến mm.

+ Đo cân nặng: Cân nặng của học sinh được đo bằng cân đồng hồ có độ chia chính xác đến gam. Học sinh mặc quần áo mỏng, không đi dày, dép bước nhẹ lên bàn cân.

+ Đo vòng ngực: Vòng ngực được đo bằng thước dây mềm, độ chia chính xác đến mm. Đo vòng ngực lúc thở ra và lúc hít vào rồi chia trung bình giữa hai lần đo. Khi đo học sinh mặc áo mỏng, thước dây được vòng từ trước ra phía sau mỏm xương bả vai.

+ Đo đường kính ngực trước sau: Được đo bằng com pa trượt. Đối tượng ở tư thế đứng thẳng, đo khoảng cách trước sau ở mức dưới núm vú khi thở vào.

+ Đo đường kính ngực phải trái: Đối tượng ở tư thế đứng, đo ở mức dưới núm vú khi thở vào.

2.2. Phương pháp khám cong vẹo cột sống

Chúng tôi khám cong vẹo cột sống theo phương pháp của Bộ Y tế - Vụ Ytế dự phòng như sau:

- Chuẩn bị phòng khám: Phòng khám phải kín, đủ ánh sáng, có bục cho học sinh đứng khám, ghế cho người khám ngồi, các miếng gỗ có kích thước 18x24 cm, dày 0,3cm; 1cm; 2cm để kê chân.

- Phương pháp khám: Người khám ngồi trước bục đứng khám, học sinh bước lên bục khám, cởi trần, mặc quần đùi, nữ lớn mặc nịt vú và quần lót.

Người khám quan sát thăn lưng từ phía sau ra trước xem bên nửa lưng có u lồi cao lên một bên không. Nếu nghi ngờ hai chân không bằng nhau thì kiểm tra chân có bằng nhau không bằng cách kê các miếng gỗ đã chuẩn bị.

Để biết được kiểu cong vẹo ta có thể cho học sinh cúi xuống dùng bút có màu đánh dấu các mấu gai cột sống, sau đó cho học sinh đứng dậy và quan sát hình dáng của đường được đánh dấu, hoặc cho học sinh cúi xuống dùng hai ngón tay miết dọc xương cột sống, sau đó cho học sinh đứng dậy quan sát

Scanned with CamScanner

hình dáng lần đỏ trên lưng học sinh. Nếu đường lần đỏ trùng với cột sống, thì kết luận không cong; nếu không trùng với cột sống thì xem xét nó thuộc kiểu cong vẹo nào.

2.3. Phương pháp xác định tố chất vận động

+ Tố chất mạnh: Được đo bằng sức bật cao tại chỗ: yêu cầu đứng thẳng, giơ tay cao, mũi chân cách tường 20cm, đánh dấu điểm chạm thước cuối cùng của ngón tay giữa sau đó yêu cầu bật cao tại chỗ không vung tay với khả năng tối đa, đánh dấu điểm chạm cao nhất của ngón tay giữa. Hiệu số độ cao giữa 2 điểm trên là sức mạnh thông qua khả năng bật cao của đối tượng. Yêu cầu làm 3 lần sau đó lấy giá trị trung bình.

+ Tố chất nhanh: Được đánh giá qua thời gian chạy 100m của đối tượng.

+ Tố chất dẻo: Được đánh giá qua độ dẻo cột sống khi gập người về phía trước (cm). Cho học sinh đứng trên ghế theo tư thế nghiêng, mũi chân chạm mép ghế 2 đầu gối thẳng, cúi người về phía trước tới mức tối đa. Điểm tính thành tích là điểm chạm thước của ngón tay giữa. Nếu ngón tay giữa chạm thước ở dưới mặt ghế được ghi kết quả dương (+); nếu ở phía trên mặt ghế được ghi kết quả âm (-). Yêu cầu thực hiện 3 lần sau đó lấy giá trị trung bình cộng.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Một số chỉ tiêu hình thái của học sinh phổ thông thuộc hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá

Qua nghiên cứu của chúng tôi từ năm 2001 đến nay, các chỉ tiêu hình thái được tổng hợp ở bảng 1.

Số liệu thu được ở bảng 1 cho thấy:

- Các chỉ tiêu nghiên cứu tăng dần theo lứa tuổi như trọng lượng cơ thể, chiều cao đứng, chiều cao ngồi, đường kính ngực trước sau, đường kính ngực phải trái, dài đùi, dài cẳng chân. Tuy nhiên, tốc độ tăng của một số chỉ tiêu là không đều ở các lứa tuổi và giới tính. Cụ thể là chỉ tiêu trọng lượng tăng rõ rệt đối với nam từ 13-15 tuổi (từ 27,63 kg đến 41,09 kg), còn ở nữ tăng rõ rệt ở độ tuổi 12-14 (25,41 kg đến 36,93 kg). Đối với chỉ tiêu chiều cao đứng, ở nam tăng rõ rệt ở độ tuổi 12-16 (từ 132,51cm đến 158,35 cm), còn ở nữ tăng đều theo các lứa tuổi.

- So sánh giữa nam và nữ cho thấy các chỉ tiêu nghiên cứu chênh lệch nhau và sự chênh lệch này cũng thay đổi theo lứa tuổi. Đối với chỉ tiêu trọng lượng cơ thể: Từ 7-11 tuổi nam và nữ tương đương nhau; từ 12-14 tuổi trọng lượng của nữ cao hơn nam (chênh lệch 3-4 kg), sau đó từ 15-18 tuổi trọng lượng nam lại cao hơn nữ (chênh lệch 3-4 kg). Đối với chiều cao đứng, ở độ tuổi 7-11 nam và nữ tương đương nhau; Từ 12-13 tuổi nữ cao hơn nam 2-3 cm, đặc biệt ở 15-18 tuổi nam cao hơn nữ rõ rệt (4-10 cm).

Scanned with CamScanner

Bảng 1. **Một số chỉ tiêu hình thái của học sinh ở các độ tuổi**

Tuổi		Trọng lượng (kg)		Cao đứng (cm)		Cao ngồi (cm)		Đường kính ngực trước sau (cm)		Đường kính ngực phải trái (cm)		Dài đùi (cm)		Dài cẳng chân (cm)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
7	$\bar{X}$	**17,28**	**16,82**	**109,40**	**108,93**	**58,83**	**58,25**	**12,48**	**12,03**	**17,40**	**17,18**	**28,56**	**28,69**	**26,95**	**26,75**
	SD	1,85	1,85	4,41	3,08	2,18	2,18	0,77	0,75	1,09	0,80	2,02	2,53	1,43	1,08
8	$\bar{X}$	**18,90**	**16,53**	**114,27**	**113,97**	**61,56**	**61,40**	**12,57**	**12,22**	**17,95**	**17,38**	**31,24**	**31,42**	**28,04**	**27,73**
	SD	1,72	1,68	4,25	4,33	2,29	2,29	0,71	0,81	0,83	0,77	2,80	2,06	1,21	1,79
9	$\bar{X}$	**20,08**	**19,54**	**120,88**	**119,88**	**63,55**	**62,69**	**12,73**	**12,51**	**18,53**	**17,98**	**34,68**	**35,64**	**28,75**	**28,40**
	SD	2,17	2,18	4,52	5,57	2,47	2,49	0,86	0,85	0,89	1,18	2,47	4,08	1,65	1,71
10	$\bar{X}$	**21,72**	**21,77**	**125,76**	**124,58**	**66,68**	**66,18**	**13,24**	**12,89**	**19,46**	**18,89**	**37,34**	**37,25**	**31,90**	**31,97**
	SD	1,86	2,25	3,66	4,14	2,17	2,17	0,61	0,89	0,73	0,99	2,45	2,13	1,43	1,55
11	$\bar{X}$	**23,96**	**23,39**	**130,85**	**129,39**	**68,38**	**67,51**	**13,60**	**12,97**	**19,60**	**19,10**	**39,60**	**39,51**	**32,60**	**32,39**
	SD	3,20	2,41	5,80	4,50	3,20	3,20	0,92	0,84	1,03	0,93	3,15	1,86	2,02	1,64
12	$\bar{X}$	**24,95**	**25,41**	**132,51**	**135,93**	**70,07**	**71,92**	**13,68**	**13,60**	**20,06**	**20,04**	**41,12**	**43,16**	**34,19**	**35,52**
	SD	2,78	1,32	3,89	4,88	3,49	3,08	0,70	0,87	0,94	1,78	2,23	2,22	1,79	1,41
13	$\bar{X}$	**27,63**	**30,75**	**139,91**	**141,03**	**72,14**	**74,45**	**14,23**	**14,11**	**21,04**	**21,02**	**46,32**	**45,95**	**35,44**	**36,42**
	SD	2,77	3,30	4,09	5,25	4,93	3,75	2,16	1,19	1,46	1,36	3,09	1,90	1,47	1,75
14	$\bar{X}$	**33,81**	**36,93**	**146,87**	**146,07**	**46,45**	**77,02**	**14,94**	**14,68**	**22,34**	**22,30**	**49,88**	**50,79**	**37,46**	**37,53**
	SD	1,08	2,78	4,05	5,61	5,50	4,06	1,16	1,27	1,57	1,32	3,52	2,17	2,42	1,73
15	$\bar{X}$	**41,09**	**39,90**	**153,94**	**149,08**	**78,50**	**79,14**	**15,12**	**14,97**	**23,37**	**22,46**	**53,30**	**54,44**	**38,41**	**37,86**
	SD	2,20	1,31	7,92	4,72	5,72	4,28	0,98	1,35	1,37	1,20	0,79	2,39	2,37	1,53
16	$\bar{X}$	**44,94**	**43,39**	**158,35**	**155,10**	**81,59**	**81,26**	**15,58**	**15,21**	**23,63**	**22,41**	**58,76**	**59,78**	**41,89**	**40,57**
	SD	3,38	4,76	2,27	3,05	4,96	2,56	1,36	1,13	1,81	2,76	4,76	3,46	1,88	1,82
17	$\bar{X}$	**45,65**	**44,70**	**161,32**	**156,45**	**82,64**	**81,75**	**15,66**	**17,78**	**23,67**	**23,18**	**60,04**	**60,16**	**41,99**	**40,62**
	SD	5,20	5,01	1,06	4,14	3,58	4,38	1,15	1,12	1,96	1,66	3,50	3,06	1,84	2,14
18	$\bar{X}$	**47,36**	**45,39**	**165,04**	**156,95**	**84,68**	**82,39**	**15,79**	**15,82**	**23,69**	**23,97**	**63,90**	**64,38**	**42,36**	**41,06**
	SD	3,57	5,86	3,08	2,09	5,97	6,30	1,12	1,65	1,68	2,14	4,78	5,72	2,25	2,82

Chú thích $\bar{X}$ *: giá trị trung bình; SD: Độ lệch chuẩn*

Scanned with CamScanner

2. Kích thước bàn ghế ở các trường phổ thông

Bảng 2. **Kích cỡ bàn ghế của một số trường phổ thông**

Cấp học	Lớp	Số lượng phòng học	Chiều cao bàn (cm)	Chiều cao ghế (cm)	Rộng mặt bàn (cm)	Rộng mặt ghế (cm)
Tiểu học	1	70	64,84	37,65	38,60	19,9
	2	50	63,63	35,76	38,66	20,50
	3	50	68,75	40,00	39,00	22,25
	4	65	70,10	38,51	39,25	19,25
	5	60	69,57	40,10	38,67	21,00
THCS	6	55	65,00	38,50	37,50	19,00
	7	49	70,67	38,00	38,51	18,17
	8	48	61,67	37,80	37,17	18,83
	9	55	65,25	38,25	37,50	19,75
THPT	10	45	73,10	40,90	-	22,00
	11	65	73,20	41,00	-	22,50
	12	45	72,20	41,35	-	20,75

Kết quả bảng 2 cho thấy, kích thước bàn ghế của các trường phổ thông được nghiên cứu phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh học đường. Tuy nhiên, hầu hết ở các trường bàn ghế có kích thước giống nhau không phân biệt cho từng lứa tuổi. Ở một số trường kích cỡ bàn ghế khác nhau nhưng lại bố trí học chung phòng cho các lớp chênh lệch nhau về lứa tuổi khá lớn. Chẳng hạn lớp 1, 2 học chung phòng với lớp 4, 5; lớp 6,7 học chung phòng với lớp 8,9.

Một thực trạng nữa là các trường hiện sử dụng rất phổ biến loại bàn liền ghế (kiểu bàn Erissmann) cho học sinh, đặc biệt là học sinh đầu cấp (lớp 1). Đây là loại bàn ghế y tế học đường không khuyên dùng bởi loại bàn này gây gò bó về tư thế.

3. Một số dị tật học đường

Bảng 3. **Tỷ lệ dị tật học đường ở các cấp học**

Cấp học	Dị tật mắt			Dị tật cột sống		
	Tổng HS	Số HS dị tật	Tỉ lệ %	Tổng HS	Số HS dị tật	Tỉ lệ %
Tiểu học	1402	120	8,56	445	90	20,22
THCS	6251	665	10,64	334	95	28,44
THPT	13074	1783	13,64	764	252	32,98

Scanned with CamScanner

Qua bảng 3 cho thấy, tỷ lệ dị tật về mắt và cột sống tăng theo cấp học, trong đó ở cấp tiểu học thấp nhất (dị tật mắt 8,56%; dị tật cột sống 20,22%), cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông tăng lên đáng kể. Theo chúng tôi, điều này có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó học sinh ngồi không đúng tư thế và bàn ghế không đúng kích cỡ là nguyên nhân phổ biến nhất, ngoài ra còn một số nguyên nhân khác như thời gian ngồi bên bàn học kéo dài, chế độ ánh sáng không đảm bảo, ít vận động, mang xách vật nặng một bên thường xuyên...

IV. KẾT LUẬN

1. Các chỉ tiêu hình thái của học sinh phổ thông tăng dần theo lứa tuổi. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đó khác nhau ở từng giai đoạn nhất định và phụ thuộc vào giới tính.

2. Kích thước bàn ghế không hoàn toàn phù hợp với từng lứa tuổi, ở các trường còn có tình trạng học chung phòng giữa các lớp có các lứa tuổi rất khác nhau.

3. Tỷ lệ mắc các dị tật về mắt và cột sống tăng dần theo cấp học. Đối với dị tật về mắt, cấp tiểu học thấp nhất (8,56%), cấp trung học cơ sở (10,64%), cấp trung học phổ thông (13,64%); Đối với dị tật cột sống, cấp tiểu học 20,22%, cấp THCS 28,44%, cấp THPT 32,98%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ngô Thị Bê, Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu hình thái của học sinh với thực trạng bàn ghế trong nhà trường. Đề tài cấp Bộ Mã số B2001-42-13 (nghiệm thu 2003).

[2] Bộ y tế, vụ Y tế dự phòng, Tài liệu tập huấn về công tác y tế dự phòng trường học, NXB Y học, 1999.

[3] Phạm Năng Cường, Sổ tay vệ sinh học đường , NXB Hà Nội, 1986.

[4] Nguyễn Văn Đức, Lê Thanh Hải, Phương pháp kiểm tra thống kê sinh học. NXB Khoa học và kỹ thuật, 2001.

[5] Nguyễn Quang Quyền, Nhân trắc học và sự ứng dụng trên người Việt Nam, NXB Y học Hà Nội, 1979.

Scanned with CamScanner

TUYỂN TẬP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT, Y TẾ TRƯỜNG HỌC

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 - Trịnh Hoài Đức - Hà Nội - Điện thoại: 8437013

Email: nxbtdtt@vnn.vn

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu - Quận 1

TP. Hồ Chí Minh - ĐT: 8298378

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐỖ NGỌC MẠCH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. PHÙNG KHẮC BÌNH

TS. NGŨ DUY ANH

TS. LÃ QUÝ ĐÔN

Biên tập

DŨNG - NGA - ĐỘ

Trình bày

THU TOÀN

Số đăng ký KHXB: 13-2006/CXB/177 - 354/TDTT

In 900 cuốn, khổ 19 x 27cm

In tại: Nhà in Khoa học và Công nghệ

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2006

Scanned with CamScanner